

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-33

ỔN
M
L
C
T
M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Trần Đình Nhân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Dương Như Hùng	Thành viên
Ông Trịnh Minh Quang	Thành viên
Ông Phạm Sỹ Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cao Kỳ	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Cao Kỳ
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Số: 800 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		682.126.868.171	614.220.580.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	161.054.989.482	220.557.579.824
1. Tiền	111		12.456.858.468	15.427.634.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.598.131.014	205.129.945.040
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	377.657.255.556	232.008.929.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121		377.657.255.556	232.008.929.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.019.001.133	50.189.340.616
1. Phải thu khách hàng	131		34.118.462.023	36.382.212.032
2. Trả trước cho người bán	132		21.806.827.291	14.224.667.338
3. Các khoản phải thu khác	135		8.874.363.268	5.191.546.553
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.780.651.449)	(5.609.085.307)
IV. Hàng tồn kho	140	7	83.532.526.716	103.496.021.602
1. Hàng tồn kho	141		83.704.980.531	104.237.272.501
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(172.453.815)	(741.250.899)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		863.095.284	7.968.708.531
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.820.071	4.582.663.512
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	16.002.200	2.261.502.124
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		844.273.013	1.124.542.895
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		627.953.164.987	550.738.871.888
I. Tài sản cố định	220		553.136.582.373	495.579.692.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	518.197.759.985	473.137.201.333
- Nguyên giá	222		1.662.994.083.058	1.515.389.319.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.144.796.323.073)	(1.042.252.118.403)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.177.108.482	1.822.027.599
- Nguyên giá	228		3.664.591.951	3.626.842.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.487.483.469)	(1.804.814.544)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	33.761.713.906	20.620.463.267
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.195.756.483	34.535.377.440
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	7.641.665.918	5.630.628.542
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	64.889.000.000	41.239.658.333
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(12.334.909.435)	(12.334.909.435)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.620.826.131	20.623.802.249
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.620.826.131	20.623.802.249
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.310.080.033.158	1.164.959.451.961

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

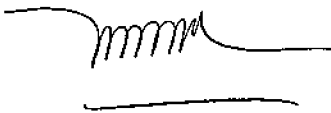
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		754.113.082.979	613.759.440.154
I. Nợ ngắn hạn	310		511.787.080.864	383.988.836.364
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	128.545.396.793	52.005.268.236
2. Phải trả người bán	312		244.012.147.975	215.319.650.245
3. Người mua trả tiền trước	313		25.454.108.188	42.609.080.570
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.089.396.156	36.751.767
5. Phải trả người lao động	315		68.684.871.433	27.350.313.949
6. Chi phí phải trả	316	16	21.319.352.466	22.540.466.737
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	9.997.615.187	11.887.375.643
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.684.192.666	12.239.929.217
II. Nợ dài hạn	330		242.326.002.115	229.770.603.790
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	229.191.513.127	223.313.233.870
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		13.134.488.988	6.457.369.920
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		552.021.428.707	547.254.490.335
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	552.021.428.707	547.254.490.335
1. Vốn điều lệ	411		415.512.960.000	415.512.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		27.343.428.181	24.070.260.409
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.173.978.888)	(11.173.978.888)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.630.317.295	29.630.317.295
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.204.444.929	20.915.040.381
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.974.930.554	68.770.564.502
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.945.521.472	3.945.521.472
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.310.080.033.158	1.164.959.451.961

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh



Nguyễn Cao Kỳ

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.682.934.144.964	2.241.712.227.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.682.934.144.964	2.241.712.227.238
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	2.483.064.702.292	2.063.911.557.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		199.869.442.672	177.800.669.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	40.432.111.304	28.119.143.866
7. Chi phí tài chính	22	25	12.353.597.438	7.121.451.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.935.708.241	9.430.574.684
8. Chi phí bán hàng	24		83.021.947.389	63.957.573.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.270.265.532	43.004.902.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		103.655.743.617	91.835.885.913
11. Thu nhập khác	31	26	12.982.606.546	6.902.739.466
12. Chi phí khác	32	27	23.350.886.920	1.193.345.535
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(10.368.280.374)	5.709.393.931
14. Lợi nhuận/(Lỗ) trong công ty liên kết	45		2.011.037.376	(146.240.791)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		95.298.500.619	97.399.039.053
15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	24.226.204.512	23.273.307.240
15.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	2.236.767.489
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		71.072.296.107	71.888.964.324
16.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		71.072.296.107	71.888.964.324
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.693	1.766

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh



Giám đốc

Nguyễn Cao Kỳ

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	95.298.500.619	97.399.039.053
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	109.083.600.090	108.033.520.598
Các khoản dự phòng	03	(397.230.942)	(3.706.157.173)
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.013.550.069	1.090.559.186
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.812.204.638)	(30.467.786.506)
Chi phí lãi vay	06	9.935.708.241	9.430.574.684
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	176.121.923.439	181.779.749.842
Thay đổi các khoản phải thu	09	3.400.791.967	9.601.895.328
Thay đổi hàng tồn kho	10	20.532.291.970	(44.181.775.674)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.596.494.962	41.411.479.409
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	6.002.976.118	(15.793.215.939)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.218.588.279)	(9.940.932.275)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.934.278.367)	(33.500.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	219.309.000	25.640.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.359.824.619)	(16.485.740.113)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	182.361.096.191	112.917.100.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(139.433.498.488)	(83.959.211.839)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	5.349.044.590	4.564.278.789
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(368.840.000.000)	(202.725.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	203.525.000.000	4.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.000.000.000)	(826.000.000)
6. Lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	33.403.208.549	26.875.573.194
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	(268.996.245.349)	(251.470.359.856)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.019.309.090.201	484.472.165.226
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(936.104.744.985)	(462.949.345.925)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.071.786.400)	(56.069.064.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>27.132.558.816</i>	<i>(34.546.244.799)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(59.502.590.342)	(173.099.504.077)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	220.557.579.824	393.657.083.901
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	<u>161.054.989.482</u>	<u>220.557.579.824</u>

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Phan Thị Vân Hà

Trần Thị Triều Linh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.171 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.174 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 số 4200601069 ngày 03 tháng 6 năm 2014, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị); và
- Đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Công ty con**

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Số 12A Yersin, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	56,88	56,88	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và phương pháp thực tế đích danh đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động xây dựng cơ bản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10 triệu VND được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 1 năm. Các công cụ, dụng cụ có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc công ty đã thay đổi phương pháp phân bổ một số công cụ dụng cụ, theo đó các công cụ dụng cụ này sẽ được phân bổ 50% giá trị vào năm phát sinh và 50% trong năm tiếp theo (năm 2013: phân bổ đều 24 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng), dẫn tới chi phí được phân bổ trong năm tăng lên khoảng 14 tỷ VND. Ban giám đốc đánh giá việc thay đổi ước tính kế toán này nhằm phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng thực tế các công cụ dụng cụ trong năm hiện hành và các năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND.

Các quỹ khác bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi... Việc trích lập các quỹ này do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	539.054.303	1.140.224.196
Tiền gửi ngân hàng	11.917.804.165	14.287.410.588
Các khoản tương đương tiền (i)	148.598.131.014	205.129.945.040
	<u>161.054.989.482</u>	<u>220.557.579.824</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời hạn dưới 3 tháng. Lãi dự thu từ một số hợp đồng chủ yếu có ngày đáo hạn trước ngày lập báo cáo tài chính này được ước tính dựa trên lãi suất của hợp đồng. Các hợp đồng còn lại, Công ty sử dụng lãi suất tương đương của các khoản tiền gửi không kỳ hạn do Công ty chưa chắc chắn sẽ tiếp tục duy trì khoản tiền gửi đến khi khoản tiền gửi được đáo hạn.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina	-	15.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng (i)	377.657.255.556	217.008.929.500
	<u>377.657.255.556</u>	<u>232.008.929.500</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.256.685.540	39.982.487.797
Công cụ, dụng cụ	3.507.840.930	2.680.417.066
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.940.454.061	61.574.367.638
Cộng	<u>83.704.980.531</u>	<u>104.237.272.501</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(172.453.815)	(741.250.899)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>83.532.526.716</u>	<u>103.496.021.602</u>

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.093.685.224
Các loại thuế khác	16.002.200	167.816.900
	<u>16.002.200</u>	<u>2.261.502.124</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	67.133.264.013	521.272.445.410	915.939.700.774	7.626.444.184	3.417.465.355	1.515.389.319.736
Mua sắm mới	464.287.220	9.985.538.873	24.456.765.848	1.139.545.454	-	36.046.137.395
Đầu tư XD/CB hoàn thành	12.666.489.649	49.453.974.455	52.324.552.375	(206.321.800)	929.045.624	115.167.740.303
Tăng khác	-	1.323.983.492	2.987.316.919	-	-	4.311.300.411
Thanh lý	(2.450.099.396)	(3.188.157.484)	(1.657.693.254)	(117.365.000)	-	(7.413.315.134)
Giảm khác	(92.000.000)	-	(415.099.653)	-	-	(507.099.653)
Tại ngày 31/12/2014	77.721.941.486	578.847.784.746	993.635.543.009	8.442.302.838	4.346.510.979	1.662.994.083.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	26.917.525.039	330.379.995.120	679.673.158.854	4.296.405.377	985.034.013	1.042.252.118.403
Trích khấu hao trong năm	4.476.601.951	45.410.465.811	56.665.628.388	1.531.446.477	320.088.523	108.404.231.150
Tăng khác	-	93.471.814	104.905.759	-	-	198.377.573
Thanh lý	(1.686.661.935)	(2.615.495.481)	(1.533.975.878)	(117.365.000)	-	(5.953.498.294)
Giảm khác	(178.889)	(104.726.870)	-	-	-	(104.905.759)
Tại ngày 31/12/2014	29.707.286.166	373.163.710.394	734.909.717.123	5.710.486.854	1.305.122.536	1.144.796.323.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	40.215.738.974	190.892.450.290	236.266.541.920	3.330.038.807	2.432.431.342	473.137.201.333
Tại ngày 31/12/2014	48.014.655.320	205.684.074.352	258.725.825.886	2.731.815.984	3.041.388.443	518.197.759.985

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 41.373.774.742 VND (31 tháng 12 năm 2013: 65.543.541.465 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã ghi tăng nguyên giá một số tài sản hết khấu hao tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do các tài sản này được đầu tư thêm nhằm cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của những tài sản đó. Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 335.762.254.292 VND (31 tháng 12 năm 2013: 486.403.350.328 VND).

Bao gồm, 2.145.402.132 VND là nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại khu đất số 28E Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang được thu hồi theo Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc bàn giao mặt bằng, và Công ty đang trong quá trình chờ phê duyệt kinh phí di dời.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	20.620.463.267	34.420.703.202
Tăng trong năm	159.658.490.218	115.386.669.201
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(115.167.740.303)	(95.324.555.589)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(37.749.808)	(1.800.000.000)
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(31.311.749.468)	(32.062.353.547)
Tại ngày 31 tháng 12	33.761.713.906	20.620.463.267

Chi tiết theo công trình:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình thủy điện sông Chò	11.595.042.195	11.220.171.295
Trung tâm điều hành Công ty	8.828.350.044	-
Các công trình xây dựng cơ bản	13.338.321.667	9.400.291.972
	33.761.713.906	20.620.463.267

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	4.650.000.000	4.650.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	2.991.665.918	980.628.542
	7.641.665.918	5.630.628.542

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Khánh Hòa	31	31	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	36.161.877.918	39.318.641.164
Tổng công nợ	10.202.306.915	18.119.568.023
Tài sản thuần	25.959.571.003	21.199.073.141
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Doanh thu	69.974.595.813	41.455.075.526
Lợi nhuận thuần	7.334.447.919	2.112.700.057

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	9.975.000.000	6.975.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	-	5.775.000.000
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần (*)	36.164.000.000	739.658.333
	<u>64.889.000.000</u>	<u>41.239.658.333</u>
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	(12.334.909.435)	(12.334.909.435)
Cộng	<u>(12.334.909.435)</u>	<u>(12.334.909.435)</u>

(*) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	20.623.802.249	4.830.586.310
Tăng trong năm	29.734.577.960	28.928.804.937
Phân bổ vào chi phí trong năm	(35.737.554.078)	(13.135.588.998)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.620.826.131</u>	<u>20.623.802.249</u>

Chi tiết theo hạng mục:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	12.031.549.952	15.137.187.517
Công tơ phát triển mới	1.444.880.112	1.087.793.599
Công cụ dụng cụ	938.862.527	3.179.376.836
Chi phí trả trước dài hạn khác	205.533.540	1.219.444.297
	<u>14.620.826.131</u>	<u>20.623.802.249</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn:	81.265.000.000	19.000.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội</i>		19.000.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa</i> (1)	60.000.000.000	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa</i> (2)	21.265.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	47.280.396.793	33.005.268.236
	<u>128.545.396.793</u>	<u>52.005.268.236</u>

- (1) Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 205/HĐTD/KHDN ngày 25 tháng 8 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất 4%/năm và là khoản vay tín chấp, có thời hạn 04 tuần kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- (2) Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 0328/14/TD/VII ngày 24 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất 4%/năm và là khoản vay được đảm bảo bằng cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, có thời hạn 01 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.061.362.643	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.240.921	-
Thuế thu nhập cá nhân	829.792.592	36.497.967
Khác	-	253.800
	<u>2.089.396.156</u>	<u>36.751.767</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	979.750.959	1.262.630.997
Tiền thuê đất	17.699.776.353	20.563.415.446
Khác	2.639.825.154	714.420.294
	<u>21.319.352.466</u>	<u>22.540.466.737</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư tiền thuê đất 17.699.776.353 VND là chi phí thuê lô đất 28E Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa qua các năm đến 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã ghi nhận trích trước. Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm 2.342 triệu đồng tiền thuê đất của các Trạm biến áp và Nhà điều hành theo kết quả Kiểm toán nhà nước ngày 18 tháng 8 năm 2014.

Ngày 05 tháng 12 năm 2013, UBND Tỉnh Khánh Hòa đã có Công văn số 702/UBND-KH về việc di dời các cơ sở của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa ra khỏi khu đất 28E Trần Phú. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, UBND Tỉnh Khánh Hòa đã ra quyết định số 3745/QĐ-UBND về việc thu hồi lô đất này để phục vụ mục đích khác. Theo đó, Công ty sẽ phải bàn giao lại cho UBND lô đất trong năm 2015. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty đã có biên bản thu hồi đất trên thực địa ký ngày 19 tháng 01 năm 2015 giữa Công ty với các bên liên quan. Công ty chưa nhận được thông báo về chi phí thuê lô đất từ Cục Thuế Tỉnh Khánh Hòa, và Công ty đang chờ phê duyệt phương án di dời, hỗ trợ kinh phí di dời từ các cơ quan Nhà nước. Do đó, Công ty không thực hiện ước tính và ghi nhận chi phí thuê đất của lô đất này trong năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	88.214.738	352.504.356
Nhận tiền đặt cọc mua điện kế	7.113.644.590	5.405.934.946
Các khoản phải trả khác	2.795.755.859	6.128.936.341
	<u>9.997.615.187</u>	<u>11.887.375.643</u>

Tiền cọc đặt điện kế là số tiền khách hàng ký cược ngắn hạn cho Công ty để được sử dụng điện kế. Số tiền này sẽ hoàn trả lại cho khách hàng khi khách hàng không sử dụng dịch vụ của Công ty.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

		<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
		VND	VND
Vay dài hạn		157.614.928.366	146.002.021.408
<u>Đường dây và trạm 110KV</u>			
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ	(1)	4.261.097.880	6.061.097.880
Trạm 110KV Nha Trang	(2)	1.108.095.254	3.159.135.820
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	(3)	23.324.209.328	24.771.794.271
<u>Các khoản vay khác</u>			
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</i>			
Lưới điện thành phố Nha Trang	(4)	3.056.740.645	9.043.694.419
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh	(5)	11.586.506.772	10.496.293.679
Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	(6)	34.381.212.737	33.906.824.868
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>			
Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(7)	4.168.410.712	6.352.750.445
Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh	(8)	-	1.210.764.800
<i>Quý Đầu tư Phát triển Khánh Hòa</i>			
Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(9)	2.080.000.000	3.460.000.000
Cải tạo LĐ15KV E Vạn Giã cấp điện	(10)	3.154.700.000	4.618.700.000
Khu Kinh tế Vân Phong			
Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV	(11)	988.082.000	1.498.082.000
đầu nối TBA 110KV Ninh Thủy			
Xây dựng mới XT 374-E27	(12)	2.540.986.000	3.452.986.000
Chống quá tải các TBA 110KV E24, E27, E28 Khánh Hòa	(13)	2.963.657.000	4.091.657.000
Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các	(14)	14.647.500.000	-
Trạm biến áp Khánh Hòa			
Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các	(15)	4.000.000.000	-
Trạm biến áp Khánh Hòa			
<i>Ngân hàng An Bình</i>			
TBA 110KV Bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ	(16)	19.500.000.000	25.500.000.000
Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh - Khánh Vĩnh	(17)	7.000.000.000	5.025.864.101
<i>Ngân hàng Công thương</i>			
Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm	(18)	5.457.730.038	3.352.376.125
Nhà điều hành Điện lực Ninh Hòa	(19)	1.200.000.000	-
Nhà điều hành ĐL Cam Ranh - Khánh Sơn	(20)	1.196.000.000	-
Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh	(21)	11.000.000.000	-
		<u>157.614.928.366</u>	<u>146.002.021.408</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nợ dài hạn	118.856.981.554	110.316.480.698
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	14.876.401.124	18.663.405.103
Công ty Địa chính Khánh Hòa (22)	15.835.192.682	15.835.192.682
Công ty TNHH Long Phú	1.881.366.670	2.257.639.999
Công ty Cổ phần An Viên (23)	15.643.502.000	15.643.502.000
Ban Quản lý Dự án các công trình trọng điểm Khánh Hòa (24)	9.261.677.616	11.698.961.191
Ban quản lý Dự án các công trình Xây dựng Nha Trang (25)	6.454.015.708	8.239.169.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hoà (26)	4.900.304.558	3.738.199.000
Ủy ban Nhân dân huyện Diên Khánh (27)	2.655.132.864	2.281.671.000
Ban quản lý các công trình xây dựng Cam Ranh (28)	12.217.381.000	-
Các đối tượng khác (29)	35.132.007.332	31.958.740.723
	276.471.909.920	256.318.502.106
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	47.280.396.793	33.005.268.236
Trong đó: <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>33.118.291.351</i>	<i>29.350.532.371</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>14.162.105.442</i>	<i>3.654.735.865</i>
Số phải trả sau 12 tháng	229.191.513.127	223.313.233.870

- (1) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (2) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (3) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (4) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án “Lưới điện thành phố Nha Trang”, lãi suất vay là 6,9%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án “Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh”, với lãi suất 6,82%/năm.
- (6) Hợp đồng cho vay lại từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới (Hiệp định 7867-VN) thuộc chương trình “Hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 1- DPL1”. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Công trình Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ theo danh mục dự án sử dụng vốn của Khoản chương trình đã được Bộ Công thương phê duyệt. Khoản vay trị giá 1.608.094,47 USD và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 25 năm kể từ năm 2010, bao gồm 10 năm ân hạn. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, khoản vay chịu lãi suất LIBOR của đồng USD cộng khoản chênh lệch biến đổi. Khoản chênh lệch biến đổi sẽ được xem xét định kỳ điều chỉnh vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (7) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (8) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh". Khoản vay này có hạn mức 16.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 57 tháng kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 54 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Ngày 19 tháng 11 năm 2014 hợp đồng này đã được thanh toán hết.
- (9) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (10) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới điện 15KV E Vạn Giã cấp điện Khu kinh tế Vân Phong". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (11) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV đấu nối Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy". Khoản vay này có hạn mức 2.800.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (12) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Xây dựng mới xuất tuyến 374-E27". Khoản vay này có hạn mức 5.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (13) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao năng lực điện khu vực Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 6.200.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (14) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Chống quá tải các Trạm biến áp 110KV E24, E27, E28 Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 44 tháng kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 40 tháng từ tháng 12 năm 2014 và chịu lãi suất 9,04%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (15) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các Trạm biến áp phân phối tỉnh Khánh Hòa năm 2014". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2014. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 33 tháng từ tháng 4 năm 2014 và chịu lãi suất 8,29%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (16) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ". Khoản vay này có hạn mức 30.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 60 tháng kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 4 năm 2013 và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 20 tháng 10 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,5%/năm.
- (17) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh - Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 143.13/HĐTĐ-ABBKH với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 01 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 08 tháng 10 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 9,4%/năm.
- (18) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm". Khoản vay này có hạn mức 6.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 7 năm 2014. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 20 tháng 10 năm 2014, lãi suất còn 9,5%/năm.
- (19) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Ninh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 3.500.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 11 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (20) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Ranh - Khánh Sơn". Khoản vay này có hạn mức 3.500.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 11 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (21) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh". Khoản vay này có hạn mức 125.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 240 tháng kể từ ngày 30 tháng 09 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 6 năm 2016. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các thời hạn tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (22) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện Khu đô thị mới Vĩnh Hòa nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khánh Hòa (trước đây là Công ty Địa chính Khánh Hòa). Khoản nhận nợ này sẽ được trả đều trong 20 năm kể từ ngày có ít nhất được 20% phụ tải và không chịu lãi suất.
- (23) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện ngầm trung, hạ áp và các trạm biến áp khu đô thị biển An Viên nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần An Viên theo Biên bản bàn giao công trình ngày 01 tháng 10 năm 2011. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (24) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống cung cấp nguồn điện phần còn lại của đường Nguyễn Tất Thành nhận từ Ban Quản lý Dự án các Công trình trọng điểm Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (25) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung hạ áp và trạm biến áp Cấp điện sinh hoạt Khu dân cư Đất Lành thuộc dự án Khu dân cư Đất Lành nhận từ Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Nha Trang. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (26) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hạng mục Xây lắp cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng thuộc Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòn Đò và Khu tái định cư Vĩnh Trường nhận bàn giao từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và được trả trong 10 năm kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2012 đối với Khu tái định cư Hòn Đò và 12 tháng 8 năm 2013 đối với khu TĐC Vĩnh Trường.
- (27) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung áp 22kV vùng nguyên liệu mía Diên Khánh nhận bàn giao từ Ủy ban Nhân dân Huyện Diên Khánh. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2012 và không chịu lãi suất.
- (28) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện phủ điện Thôn Bình Hưng Xã Cam Bình, Cam Ranh nhận bàn giao từ Ban Quản lý các công trình xây dựng Cam Ranh. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không chịu lãi suất.
- (29) Khoản nợ dài hạn tương ứng với các tài sản thuộc lưới trung, hạ áp nhận bàn giao từ các cơ quan Nhà nước và các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong đó :Các khoản nhận nợ không chịu lãi suất và được trả trong 10 năm đối với các khoản nhận nợ từ các cơ quan Nhà nước là 25.104.904.108 đồng; các khoản nhận nợ từ các đơn vị khác không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 10.027.103.224 VND.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	47.280.396.793	33.005.268.236
Trong năm thứ hai	42.029.186.765	32.170.437.626
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	82.646.648.204	71.751.562.584
Sau năm năm	<u>104.515.678.158</u>	<u>119.391.233.660</u>
	276.471.909.920	256.318.502.106
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	47.280.396.793	33.005.268.236
Số phải trả sau 12 tháng	<u>229.191.513.127</u>	<u>223.313.233.870</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	415.512.960.000	(470.673.364)	22.926.163.891	(11.173.978.888)	19.710.421.391	17.261.561.837	80.880.098.917	544.646.553.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	71.888.964.324	71.888.964.324
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn khác	-	-	1.144.096.518	-	-	-	(1.144.096.518)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	9.919.895.904	3.653.478.544	(13.573.374.448)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.209.213.373)	(13.209.213.373)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(56.071.814.400)	(56.071.814.400)
Tại ngày 01/01/2014	415.512.960.000	(470.673.364)	24.070.260.409	(11.173.978.888)	29.630.317.295	20.915.040.381	68.770.564.502	547.254.490.335
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	71.072.296.107	71.072.296.107
Tăng vốn khác (3)	-	-	3.273.167.772	-	-	-	(3.273.167.772)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận (1)	-	-	-	-	-	3.289.404.548	(3.289.404.548)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(10.233.543.335)	(10.233.543.335)
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(56.071.814.400)	(56.071.814.400)
Tại ngày 31/12/2014	415.512.960.000	(470.673.364)	27.343.428.181	(11.173.978.888)	29.630.317.295	24.204.444.929	66.974.930.554	552.021.428.707

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 27 tháng 6 năm 2014, Công ty quyết định:

- Thông qua mức chia cổ tức năm 2013 là 14% trên vốn điều lệ và thông qua việc chia cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 9% (Đợt 1 đã được trả vào năm 2013) với số tiền tương ứng 36.046.166.400 VND.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 là 5% trên vốn điều lệ với số tiền tương ứng 20.025.648.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (2) Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng phúc lợi và tặng vốn khác của chủ sở hữu từ Lợi nhuận chưa phân phối theo Điều lệ Công ty và sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông tới.
- (3) Tặng vốn khác trong năm là thể hiện giá trị tài sản cố định hữu hình và khoản hỗ trợ lãi vay Công ty nhận bàn giao, biểu tặng từ các cơ quan, đơn vị ngoài.

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.551.296	41.551.296
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.051.296	40.051.296
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000	1.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện năng. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh điện.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	2.520.605.743.874	2.151.262.534.823
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	8.153.813.624	8.940.141.083
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	143.571.874.743	71.865.759.070
<i>Xây lắp điện</i>	115.640.297.155	50.001.166.844
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	2.280.245.597	1.616.771.285
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	13.742.845.450	13.197.950.078
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	11.908.486.541	7.049.870.863
Dịch vụ	4.156.606.507	3.349.667.435
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	6.446.106.216	6.294.124.827
	<u>2.682.934.144.964</u>	<u>2.241.712.227.238</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Giá vốn bán điện (i)	2.347.854.187.615	1.993.527.212.833
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	4.086.576.566	4.470.378.725
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	124.064.611.421	59.454.682.652
<i>Xây lắp điện</i>	<i>103.605.271.078</i>	<i>42.719.732.491</i>
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	<i>1.203.222.791</i>	<i>773.653.087</i>
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	<i>11.663.213.087</i>	<i>11.167.710.752</i>
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	<i>7.592.904.465</i>	<i>4.793.586.322</i>
Dịch vụ	813.217.805	297.729.378
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	6.246.108.885	6.161.553.878
	<u>2.483.064.702.292</u>	<u>2.063.911.557.466</u>

(i) Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.697.326.208	108.602.305.579
Chi phí nhân công	212.725.960.442	179.568.424.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.018.762.279	108.023.055.548
Chi phí mua điện	2.046.249.183.747	1.701.264.591.545
Chi phí khác	107.253.539.493	113.305.183.666
	<u>2.591.944.772.169</u>	<u>2.210.763.560.873</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tiền thu lãi cho vay	34.911.526.361	26.089.573.194
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.344.683.551	786.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.175.901.392	1.243.570.672
	<u>40.432.111.304</u>	<u>28.119.143.866</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.935.708.241	9.430.574.684
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.569.284	70.591.382
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.013.550.069	1.090.559.186
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(4.209.230.476)
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.355.769.844	738.956.318
	<u>12.353.597.438</u>	<u>7.121.451.094</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	4.880.226.486	4.564.278.789
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	3.693.193.338	377.809.024
Thu nhập khác	4.409.186.722	1.960.651.653
	12.982.606.546	6.902.739.466

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	2.984.098.802	825.824.686
Chi phí di dời công trình điện phục vụ xây QL1A (i)	19.353.814.054	-
Chi phí khác	1.012.974.064	367.520.849
	23.350.886.920	1.193.345.535

- (i) Thể hiện chi phí di dời hệ thống điện phục vụ mở rộng QL1A. Theo Văn bản số 7092/EVNCPC-KH+TCKT ngày 15 tháng 12 năm 2014, phần chi phí này không được Tập đoàn Điện lực Việt Nam hỗ trợ. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình làm việc với địa phương, tuy nhiên, trên cơ sở thận trọng, Công ty đã ghi nhận các chi phí di dời này vào báo cáo tài chính năm hiện hành.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.298.500.619	97.399.039.053
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.355.720.927)	(639.759.209)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác	-	(18.010.228.694)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	18.557.634.433	14.577.398.660
Thu nhập chịu thuế	109.500.414.125	93.326.449.810
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% (i)</i>	4.537.113.468	93.326.449.810
<i>Thu nhập chịu thuế suất 22%</i>	104.963.300.657	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.226.204.512	23.331.612.452
Điều chỉnh thuế năm trước	-	(58.305.212)
	24.226.204.512	23.273.307.240

- (i) Trong năm 2014, Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty. Các thay đổi sau kết quả kiểm toán nhà nước được Công ty điều chỉnh vào báo cáo tài chính năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% phản ánh phần lợi nhuận năm 2013 tăng thêm sau điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước theo văn bản ngày 18 tháng 8 năm 2014, dẫn tới số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng lên tương ứng là 1.134.278.367 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.072.296.107	71.888.964.324
Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao	(3.273.167.772)	(1.144.096.518)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	67.799.128.335	70.744.867.806
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.051.296	40.051.296
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.693	1.766

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chồ là 56,875% vốn điều lệ (tương đương 22.750.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.787.630.000 VND.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ VND, tương ứng 2% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.975.000.000 VND.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	357.736.909.920	275.318.502.106
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	161.054.989.482	220.557.579.824
Nợ thuần	196.681.920.438	54.760.922.282
Vốn chủ sở hữu	552.021.428.707	547.254.490.335
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,36	0,10

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.054.989.482	220.557.579.824
Phái thu khách hàng và phái thu khác	37.212.173.842	35.964.673.278
Đầu tư ngắn hạn	377.657.255.556	232.008.929.500
Đầu tư dài hạn	52.554.090.565	28.904.748.898
Tổng cộng	628.478.509.445	517.435.931.500
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	357.736.909.920	275.318.502.106
Phải trả người bán và phải trả khác	253.921.548.424	226.854.521.532
Chi phí phải trả	21.319.352.466	22.540.466.737
Tổng cộng	632.977.810.810	524.713.490.375

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	73.456.764.736	81.377.743.057	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(734.567.647)	(813.777.431)
<i>Quản lý rủi ro lãi suất</i>		

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Sau 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.054.989.482	-	161.054.989.482
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.212.173.842	-	37.212.173.842
Đầu tư ngắn hạn	377.657.255.556	-	377.657.255.556
Đầu tư dài hạn	-	52.554.090.565	52.554.090.565
Tổng	575.924.418.880	52.554.090.565	628.478.509.445
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	253.921.548.424	-	253.921.548.424
Các khoản vay	128.545.396.793	229.191.513.127	357.736.909.920
Chi phí phải trả	21.319.352.466	-	21.319.352.466
Tổng	403.786.297.683	229.191.513.127	632.977.810.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	172.138.121.197	(176.637.422.562)	(4.499.301.365)
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.557.579.824	-	220.557.579.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.964.673.278	-	35.964.673.278
Đầu tư ngắn hạn	232.008.929.500	-	232.008.929.500
Đầu tư dài hạn	-	28.904.748.898	28.904.748.898
Tổng	488.531.182.602	28.904.748.898	517.435.931.500
Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	226.854.521.532	-	226.854.521.532
Các khoản vay	52.005.268.236	223.313.233.870	275.318.502.106
Chi phí phải trả	22.540.466.737	-	22.540.466.737
Tổng	301.400.256.505	223.313.233.870	524.713.490.375
Chênh lệch thanh khoản thuần	187.130.926.097	(194.408.484.972)	(7.277.558.875)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa

Mối quan hệ

Công ty mẹ của chủ sở hữu
 Chủ sở hữu
 Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	3.856.868.524	5.607.907.576
Trả lãi vay	718.094.211	1.316.769.786
Phải trả khác	-	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Mua điện thương phẩm	2.025.127.951.642	1.686.346.501.735
Chia cổ tức	29.975.997.800	29.975.997.800
Trả gốc vay	8.919.716.224	2.869.387.378
Trả lãi vay	1.766.322.753	2.446.492.820
Khác	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Khánh Hòa		
Mua vật tư	9.309.460.957	11.126.640.953
Thu nhập thanh toán cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.772.769.578	3.206.181.290

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lãi vay phải trả	254.932.505	468.353.176
Gốc vay phải trả	28.693.402.462	33.992.027.971
Phải trả khác	2.255.438.755	1.939.643.717
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Tiền mua điện thương phẩm phải trả	174.163.544.613	132.807.621.526
Gốc vay phải trả	45.237.456.175	53.446.812.966
Gốc nợ phải trả	18.663.405.103	18.663.405.103
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
Phải thu từ bán tài sản cố định	157.242.014	737.000.000
Phải trả mua vật tư	748.976.250	206.896.992

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng




Phan Thị Vân Hà

Trần Thị Triều Linh



Nguyễn Cao Kỳ